

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**TẠI NGÀY 30/06/2012**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**



*Hà Nội - Tháng 7 năm 2012*

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 23

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC**

Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Mỹ Đình, Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008, Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/07/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2011, Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng 13.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 5 Tòa nhà FLC Landmark Tower, Khu A, Thôn Phú Mỹ, Xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi thấy không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Văn Quyết	Ủy viên
Ông Dương Kim Ngọc	Ủy viên
Ông Đường Ngọc Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phạm Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Hoa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26/04/2012)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC

Tầng 5, Tòa nhà FLC Landmark Tower, Mỹ Đình, Hà Nội

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Thuế, Kế toán và Kiểm toán AVINA - IAFC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 cho Công ty và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục kiểm toán cho các năm tiếp theo.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### Cam kết khác:

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty chứng khoán theo Thông tư số 09/2011/TT-BTC ngày 15/01/2011 và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 có hiệu lực từ ngày 01/06/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 của Công ty.



**Doãn Văn Phương**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FLC**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

**Phạm Đức Thắng**  
Tổng Giám đốc

Số : 040/2012/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC

**Kính gửi:**

**Cố đông, Hội đồng Quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày trên của Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (gọi tắt là “Công ty”) được trình bày từ trang 05 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến soát xét**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi tin rằng Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



**Lại Văn Hùng**  
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0907/KTV

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THUẾ, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN AVINA - IAFC**

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

**Trần Ngọc Linh**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0759/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**Mẫu B 01-CTCK**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>212.130.530.280</b>	<b>196.733.909.059</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>5.057.890.748</b>	<b>14.993.385.383</b>
1. Tiền	111	3	5.057.890.748	14.993.385.383
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4</b>	<b>119.049.139.073</b>	<b>9.977.230.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		119.503.743.034	10.253.669.713
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(454.603.961)	(276.439.713)
<b>II- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>87.719.340.309</b>	<b>171.087.627.723</b>
1. Phải thu khách hàng	131		88.407.145.924	165.139.331.484
2. Trả trước cho người bán	132		401.200.510	33.497.377.700
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		30.711.092.596	30.907.599.351
4. Các khoản phải thu khác	138		4.111.180.200	2.864.189.459
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	14	(35.911.278.921)	(61.320.870.271)
<b>IV- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>304.160.150</b>	<b>675.665.953</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		293.658.150	40.475.313
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.502.000	635.190.640
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.218.153.740</b>	<b>4.079.828.427</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.034.772.046</b>	<b>1.563.984.699</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	697.657.646	756.875.299
- Nguyên giá	222		10.769.168.281	10.471.608.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.071.510.635)	(9.714.732.982)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	337.114.400	807.109.400
- Nguyên giá	228		3.963.125.948	3.963.125.948
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.626.011.548)	(3.156.016.548)
<b>II- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.183.381.694</b>	<b>2.515.843.728</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	374.163.013	706.625.047
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	9	1.809.218.681	1.809.218.681
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>215.348.684.020</b>	<b>200.813.737.486</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu B 01-CTCK  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.661.278.048</b>	<b>63.780.731.276</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>66.661.278.048</b>	<b>63.780.731.276</b>
1. Phải trả người bán	312		58.318.100	156.114.722
2. Người mua trả tiền trước	313		313.700.000	313.700.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>10</b>	3.927.604.531	54.493.870
4. Phải trả người lao động	315		264.716.712	147.583.064
5. Chi phí phải trả	316	<b>11</b>	19.381.909.981	12.674.167.193
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	<b>12</b>	12.030.121.218	19.892.810.873
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		99.450.300	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		403.060.533	403.060.533
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>13</b>	30.182.396.674	30.138.801.021
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>148.687.405.972</b>	<b>137.033.006.210</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>148.687.405.972</b>	<b>137.033.006.210</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		509.892.252	509.892.252
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		509.892.252	509.892.252
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.667.621.468	1.013.221.706
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>215.348.684.020</b>	<b>200.813.737.486</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>		<b>735.064.320.000</b>	<b>337.592.640.000</b>
<b>6.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>58.128.690.000</b>	<b>270.204.630.000</b>
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		1.062.380.000	1.091.510.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		57.066.310.000	269.113.120.000
<b>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>53.050.000.000</b>	<b>47.050.000.000</b>
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		53.050.000.000	47.050.000.000
<b>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>2.762.000.000</b>	<b>947.300.000</b>
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		2.762.000.000	947.300.000
<b>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>		<b>621.123.630.000</b>	<b>19.390.710.000</b>
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038			20.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		621.123.630.000	19.390.690.000



Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến	Từ 01/01/2011 đến
			30/6/2012	30/6/2011
			VND	VND
1. Doanh thu	01		6.125.187.045	4.171.293.093
<i>Doanh thu hoạt động môi giới chứng</i>	<i>01.1</i>		<i>1.472.129.730</i>	<i>453.593.210</i>
<i>Doanh thu hoạt động đầu tư chứng</i>	<i>01.2</i>		<i>173.962.674</i>	<i>2.067.558.907</i>
<i>khoán, góp vốn</i>				
<i>Doanh thu hoạt động tư vấn</i>	<i>01.5</i>		<i>-</i>	<i>434.545.455</i>
<i>Doanh thu lưu ký chứng khoán</i>	<i>01.6</i>		<i>23.394.774</i>	<i>-</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>01.9</i>		<i>4.455.699.867</i>	<i>1.215.595.521</i>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		6.125.187.045	4.171.293.093
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		6.880.867.148	22.003.543.596
<i>Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh</i>				<i>3.473.597</i>
<i>chứng khoán</i>				
<i>Chi phí dự phòng chứng khoán</i>				<i>22.000.069.999</i>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>(755.680.103)</b>	<b>(17.832.250.503)</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.257.155.043	8.706.664.115
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>30</b>		<b>(7.012.835.146)</b>	<b>(26.538.914.618)</b>
8. Thu nhập khác	31		25.409.591.350	7.272.727
9. Chi phí khác	32		2.859.259.259	-
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>22.550.332.091</b>	<b>7.272.727</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>15.537.496.945</b>	<b>(26.531.641.891)</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	15	3.883.097.183	-
<b>13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>11.654.399.762</b>	<b>(26.531.641.891)</b>
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		863	(1.965)



Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 03-CTCK  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến	Từ 01/01/2011 đến
		30/6/2012	30/6/2011
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	118.152.299.460	3.643.887.125
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(118.422.592.267)	(3.095.032.310)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(504.146.066)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	331.527.587.219	408.742.989.067
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(337.224.619.006)	(382.300.533.680)
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(59.470.000)	
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(1.091.825.279)	(4.125.593.068)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11	(1.657.817.638)	(3.044.106.389)
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13		(31.498.981)
12. Tiền thu khác	14	2.258.020.526	41.088.820.435
13. Tiền chi khác	15	(3.119.517.650)	(67.439.932.710)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(9.637.934.635)</b>	<b>(7.065.146.577)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(297.560.000)	(94.787.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(297.560.000)</b>	<b>(86.787.900)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(9.935.494.635)</b>	<b>(7.151.934.477)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>14.993.385.383</b>	<b>21.573.295.638</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.057.890.748</b>	<b>14.421.361.161</b>



Phạm Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

Nguyễn Quốc Vương

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012*

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2011	01/01/2012	Tăng	Giảm	30/06/2011	30/06/2012
1. Vốn đầu tư của chủ sở	135.000.000.000	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vô cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	509.892.252	509.892.252	-	-	509.892.252	509.892.252
- Quỹ Dự trữ bổ sung vốn	509.892.252	509.892.252	-	-	509.892.252	509.892.252
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ đầu tư tài chính	509.892.252	509.892.252	-	-	509.892.252	509.892.252
9. Các Quỹ khác thuộc vốn	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân	387.734.433	1.013.221.706	-	26.641.641.891	(26.253.907.458)	12.667.621.468
- LN chưa phân phối năm	387.734.433	1.013.221.706	-	-	387.734.433	1.013.221.706
- LN chưa phân phối năm	-	-	-	26.641.641.891	(26.641.641.891)	11.654.399.762
<b>Cộng</b>	<b>136.407.518.937</b>	<b>137.033.006.210</b>	-	<b>26.641.641.891</b>	<b>11.654.399.762</b>	<b>148.687.405.972</b>

\* Giải thích một số trường hợp tăng, giảm ảnh hưởng lớn đến tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ: Do hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ



Nguyễn Quốc Vương  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-CTCK

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán FLC (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Artex, dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03/3/2008, Quyết định điều chỉnh số 141/UBCK-GP ngày 16/07/2008; Quyết định điều chỉnh số 370/UBCK-GP ngày 22/11/2010; Quyết định điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 11/01/2011, Quyết định điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 08/08/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Vốn điều lệ của Công ty là 135.000.000.000 đồng tương ứng 13.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty là thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và là thành viên lưu ký của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC, Thông tư số 95/2008/TT-BTC, Thông tư số 162/2010/TT-BTC sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC, các hướng dẫn sửa đổi bổ sung và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã được ban hành.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

##### *Hình thức kế toán áp dụng*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

**CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác thực hiện dưới hình thức ủy thác đầu tư. Bên Ủy thác không có chỉ định danh mục đầu tư và bên nhận Ủy thác được đầu tư theo lĩnh vực mà Pháp luật quy định hoặc không hạn chế. Theo đó được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần OTC Việt Nam.
- Đối với hoạt động ủy thác đầu tư, dự phòng giảm giá được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng ủy thác đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, phải thu về ủy thác quản lý vốn, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, theo đó:

- Đối với các khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán được Ban Tổng giám đốc thận trọng đánh giá là khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

đòi đối với các khoản nợ khó đòi với tổng giá trị dự phòng đã trích lập tại thời điểm ngày 30/06/2012 là 30.188.678.921 đồng.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<b>Tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng</b>
Máy móc, thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 năm
Thiết bị văn phòng	03 năm

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 03 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Doanh thu*****Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:***

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:***

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

***Doanh thu hoạt động tư vấn:***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

***Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:***

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

***Doanh thu khác:***

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các công ty cùng thuộc tập đoàn, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**3. TIỀN**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	93.428.708	315.539.357
Tiền gửi ngân hàng	3.850.980.169	14.209.754.364
Trong đó		
<i>Tiền ký quỹ của Nhà đầu tư</i>	<i>3.470.969.116</i>	<i>12.358.812.028</i>
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.113.481.871	468.091.662
<b>Cộng</b>	<b><u>5.057.890.748</u></b>	<b><u>14.993.385.383</u></b>

**GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND</b>
<b>a) Cửa công ty chứng khoán</b>	<b>18.320</b>	<b>79.864.000</b>
- Cổ phiếu	18.320	79.864.000
<b>b) Cửa nhà đầu tư</b>	<b>39.294.960</b>	<b>851.882.581.000</b>
- Cổ phiếu	39.294.960	851.882.581.000
<b>Cộng</b>	<b><u>39.313.280</u></b>	<b><u>851.962.445.000</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Số với giá trị trường		Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ (*)	Đầu kỳ	Tăng Cuối kỳ	Đầu kỳ	Giảm Cuối kỳ	Đầu kỳ
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>136.586</b>	<b>139.501</b>	<b>2.203.743.034</b>	<b>2.253.669.713</b>	<b>454.603.961</b>	<b>276.439.713</b>	<b>1.749.139.073</b>	<b>1.977.230.000</b>
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>								
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	136.586	139.501	2.203.743.034	2.253.669.713	454.603.961	276.439.713	1.749.139.073	1.977.230.000
- Cổ phiếu								
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn								
<b>III. Đầu tư góp vốn</b>								
<b>IV. Đầu tư tài chính khác (*)</b>			<b>117.300.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>			<b>117.300.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>119.503.743.034</b>	<b>10.253.669.713</b>	<b>454.603.961</b>	<b>276.439.713</b>	<b>119.049.139.073</b>	<b>9.977.230.000</b>

STT	Số hợp đồng	Ngày Hợp đồng Ủy thác	Bên nhận Ủy thác	Lãi suất ủy thác có định/năm	Thời hạn Ủy thác (Tháng)	Số dư nợ góc VND (*)	Nội dung UTĐT	Phương thức đảm bảo	Vốn đăng ký kinh doanh của bên Nhận Ủy thác	Ghi chú
1	01/2012/HĐUTĐT-FLCs	29/03/2012	Công ty Cổ phần FLC Land	18,00%	1	33.300.000.000	Lĩnh vực mà bên Nhận Ủy thác được đầu tư theo Quy định của Pháp luật.	Tín chấp	510.000.000.000	Đã gia hạn thêm 3 tháng
2	10/2012/HĐUTĐT-FLCs	28/06/2012	Công ty Cổ phần FLC TRAVEL	10,00%	3	20.000.000.000	Bên Ủy thác không có chỉ định danh mục đầu tư	Tín chấp	80.000.000.000	
3	09/2012/HĐUTĐT-FLCs	23/05/2012	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính & Địa ốc FLC	14,00%	1	8.000.000.000		Tín chấp	400.000.000.000	Đã gia hạn thêm 3 tháng
4	04/2012/HĐUTĐT-FLCs	04/06/2012	Công ty Cổ phần FLC Gold & Resort	18,00%	1	56.000.000.000		Tín chấp	160.000.000.000	Đã gia hạn thêm 3 tháng
<b>Cộng (*)</b>						<b>117.300.000.000</b>				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)***5. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		Số dư phòng trả lập
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	
1. Phải thu của khách hàng	165.139.331.484	62.096.260.000	50.477.684	76.782.663.244	88.407.145.924	5.722.600.000	5.722.600.000
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	30.907.599.351	30.904.291.354	19.884.359.531	20.080.866.286	30.711.092.596	30.704.270.228	30.188.678.921
- Phải thu khách hàng về GD chứng khoán	30.907.599.351	30.904.291.354	19.884.359.531	20.080.866.286	30.711.092.596	30.704.270.228	30.188.678.921
- Phải thu Trung tâm Lưu ký chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-
3. Phải thu khác	2.864.189.459	-	4.213.984.791	2.966.994.050	4.111.180.200	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>198.911.120.294</b>	<b>93.000.551.354</b>	<b>24.148.822.006</b>	<b>99.830.523.580</b>	<b>123.229.418.720</b>	<b>36.426.870.228</b>	<b>35.911.278.921</b>

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, theo đó:

- Đối với các khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán được Ban Tổng giám đốc thận trọng đánh giá là khó đòi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với các khoản nợ khó đòi với tổng giá trị dự phòng đã trích lập tại thời điểm ngày 30/06/2012 là 30.188.678.921 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2012	9.053.130.669	1.098.957.300	319.520.312	10.471.608.281
Tăng trong kỳ	297.560.000	-	-	297.560.000
Mua trong kỳ	297.560.000			297.560.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>9.350.690.669</u>	<u>1.098.957.300</u>	<u>319.520.312</u>	<u>10.769.168.281</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2012	8.597.542.450	831.546.000	285.644.532	9.714.732.982
Tăng trong kỳ	235.463.653	109.896.000	11.418.000	356.777.653
Khấu hao trong kỳ	235.463.653	109.896.000	11.418.000	356.777.653
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2012	<u>8.833.006.103</u>	<u>941.442.000</u>	<u>297.062.532</u>	<u>10.071.510.635</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2012	<u>455.588.219</u>	<u>267.411.300</u>	<u>33.875.780</u>	<u>756.875.299</u>
Tại 30/06/2012	<u>517.684.566</u>	<u>157.515.300</u>	<u>22.457.780</u>	<u>697.657.646</u>
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				8.295.815.635

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	2.598.343.400	1.364.782.548	3.963.125.948
Tăng trong kỳ	-	-	-
Mua trong kỳ			
Số dư tại 30/6/2012	<u>2.598.343.400</u>	<u>1.364.782.548</u>	<u>3.963.125.948</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	1.791.234.000	1.364.782.548	3.156.016.548
Tăng trong kỳ	469.995.000	-	469.995.000
Khấu hao trong kỳ	469.995.000		469.995.000
Số dư tại 30/6/2012	<u>2.261.229.000</u>	<u>1.364.782.548</u>	<u>3.626.011.548</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư tại 01/01/2012	<u>807.109.400</u>	<u>-</u>	<u>807.109.400</u>
Số dư tại 30/6/2012	<u>337.114.400</u>	<u>-</u>	<u>337.114.400</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2012	01/01/2012
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn khác	374.163.013	706.625.047
<b>Cộng</b>	<b>374.163.013</b>	<b>706.625.047</b>

**9. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Đến 30/6/2012
	VND
- Tiền nộp ban đầu:	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung:	1.476.072.465
- Tiền lãi phân bổ trong kỳ:	213.146.216
<b>Cộng</b>	<b>1.809.218.681</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.681.818	4.545.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.883.097.183	-
Thuế thu nhập cá nhân	40.825.530	49.948.416
<b>Cộng</b>	<b>3.927.604.531</b>	<b>54.493.870</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả khác		
<i>Chi phí phải trả cho hợp đồng HTKD với Bà Phạm Thị Thành Thủy (*)</i>	18.312.625.000	12.443.125.000
<i>Chi phí phải trả khác</i>	1.069.284.981	231.042.193
<b>Cộng</b>	<b>19.381.909.981</b>	<b>12.674.167.193</b>

(\*) Chi phí liên quan đến Hợp đồng Ủy thác Quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 29/09/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010 với Bên ủy Thác là Bà Phạm Thị Thành Thủy có số dư đến 30/06/2012 là 30.000.000.000 đồng.

**12. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	1.227.737.000	19.892.810.873
Phải trả tổ chức, các nhân khác	10.802.384.218	
<b>Cộng</b>	<b>12.030.121.218</b>	<b>19.892.810.873</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	101.668.672	85.318.459
Bảo hiểm xã hội	19.124.448	-
Bảo hiểm y tế	3.585.834	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.058.017.720	30.053.482.562
<i>Phạm Thị Thành Thủy (*)</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>58.017.720</i>	<i>53.482.562</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>30.182.396.674</u></b>	<b><u>30.138.801.021</u></b>

(\*) Hợp đồng Ủy thác Quản lý vốn số 92/2010/HĐUT/Artex-PTTT ngày 29/09/2010 và Phụ lục số 01 ngày 21/12/2010 với Bên ủy Thác là Bà Phạm Thị Thành Thủy.

**14. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
- Số dư đầu kỳ	61.320.870.271	-
- Số hoàn nhập trong kỳ	-25.409.591.350	-
- Số trích lập trong kỳ	-	-
- Số dư cuối kỳ	<b><u>35.911.278.921</u></b>	<b><u>-</u></b>

**15. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.883.097.183	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.883.097.183</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUẾ TNDN HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>15.537.496.945</b>
+ Các khoản điều chỉnh tăng	166.666.665
- <i>Thù lao HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành</i>	<i>166.666.665</i>
+ Các khoản điều chỉnh giảm	171.774.880
- <i>Cổ tức được chia</i>	<i>171.774.880</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	<b>15.532.388.730</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>3.883.097.183</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

**16. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược;	-8.887.782.505	3.478.614.126
- Các khoản khác.		
<b>Cộng</b>	<b>(8.887.782.505)</b>	<b>3.478.614.126</b>

**17. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi Báo cáo tài chính được phép phát hành: Không có.
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không có.
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu: Không có

**18. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Đối tượng	Nội dung	30/06/2012 VND	30/06/2012 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
		<b>Dư nợ gốc</b>	<b>Lãi dự thu</b>	<b>Doanh thu</b>
Công ty Cổ phần FLC Land	Ủy thác đầu tư	33.300.000.000	1.082.250.000	1.082.250.000
Công ty Cổ phần FLC TRAVEL	Ủy thác đầu tư	20.000.000.000	16.666.667	16.666.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính & Địa ốc FLC	Ủy thác đầu tư	8.000.000.000	28.000.000	28.000.000
Công ty Cổ phần FLC Gold & Resort	Ủy thác đầu tư	56.000.000.000	1.523.500.000	1.523.500.000
<b>Cộng</b>		<b>117.300.000.000</b>	<b>2.650.416.667</b>	<b>2.650.416.667</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*(Các thuyết minh dưới đây là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty TNHH Tư vấn Thuế, kế toán và Kiểm toán AVINA-IAFC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ được lấy theo số đơn vị tự lập. Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán đã được phân loại lại cho phù hợp với so sánh kỳ này.



\_\_\_\_\_  
**Phạm Đức Thắng**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2012*

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Quốc Vương**

**Kế toán trưởng**